TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/DS-ST
Ngày : 02 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Chi

2. Ông Phạm Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST – DS ngày 06 tháng 4 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 626/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**; địa chỉ: phường 3, quận PN, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T– Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thành A – Chức vụ cán bộ tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh V, theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2018 (vắng).

Bị đơn: Bà **Lê Thị Thu T**; địa chỉ: Phường 5, thành phố V, tỉnh V (vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2018 Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt Ngân hàng) trình bày:

Bà Lê Thị Thu T có quan hệ tín dụng với Ngân hàng, vào ngày 25/11/2013 bà ký giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, theo đó Ngân hàng cho bà vay số tiền 39.000.000 đồng, giải ngân vào ngày 30/11/2013, thời hạn vay 36 tháng tính từ 30/11/2013 đến 30/11/2016, vay tín chấp, mục đích tiêu dùng, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn bằng 1,5 lãi trong hạn, trả gốc và lãi hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/8/2014 bà T trả cho Ngân hàng được 7.630.541 đồng tiền gốc và 5.059.459 đồng tiền lãi rồi ngưng, cho đến nay đã hết hạn hợp đồng nhưng bà T vẫn không trả số tiền gốc và lãi còn lại.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là 51.412.864 đồng, trong đó vốn gốc là 31.369.459 đồng, lãi trong hạn 6.640.541 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/10/2018 là 13.402.864 đồng, ngoài ra bà T còn phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 03/10/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bà T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không dự phiên hòa giải, không dự phiên tòa.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, các điều 463, 466, 375 Bộ luật dân sự 2015, các điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Buộc bà Thủy trả cho Ngân hàng 51.412.864 đồng và tiếp tục trả lãi đến khi trả hết nợ gốc, bà Thủy chịu tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung.

Ngân hàng và bà T xác lập giao dịch vay tài sản là có thật, thể hiện tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp ngày 25/11/2013 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân bằng tiền mặt ngày 30/11/2013. Giao dịch giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự thỏa mãn Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên giao dịch vay tài sản giữa Ngân hàng với bà T có hiệu lực pháp luật.

Thực hiện hợp đồng, bà T được Ngân hàng giải ngân đủ 39.000.000 đồng vào ngày 30/11/2013, tuy nhiên sau đó bà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi như thỏa thuận, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 51.412.864 đồng là phù hợp các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ quyết định Giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì bà Thủy còn phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp ngày 25/10/2013 kể từ ngày 03/10/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Thủy phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 117, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, các điều 147, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Lê Thị Thu T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ của Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/11/2013 là 51.412.864 đồng (Năm mươi mốt triệu bốn trăm mười hai ngàn tám trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 31.369.459 đồng (Ba mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi chín đồng), tiền lãi là 20.043.405 đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm lẻ năm đồng).

Bà Lê Thị Thu T còn phải tiếp tục trả lãi trên dự nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/11/2013 kể từ ngày 03/10/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Thu T chịu 2.570.600 đồng (hai triệu năm trăm bảy chục ngàn sáu trăm đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 1.220.000 đồng (một triệu hai trăm hai chục ngàn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nộp ngày 28/3/2018, biên lai thu số 0003775 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)
Nguyễn Thị Kim Chi

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND Tp. Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục thi hành án DS Tp. Vĩnh Long;
- Đương sự; Lưu hồ sơ.